TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tòng và bà Triệu Thị Yên.

Th ký Toà án: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Th ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian xét xử trước khi mở phiên tòa số 02/2023/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1984.

* Bị đơn*:* Chị Lý Thị N, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hoàng Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn S và chị Lý Thị N qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện Chiêm Hoá (nay là huyện Lâm Bình), tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 30/5/2009. Anh S và chị N được tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương, sau khi kết hôn anh S và chị N

chung sống tại thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh S cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có sự tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã, đến nay không khắc phục được mâu thuẫn. Anh S xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với chị Lý Thị N.

- Về con chung: Anh Hoàng Văn S và chị Lý Thị N có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Anh T, sinh ngày 15/7/2010 và cháu Hoàng Anh Th, sinh ngày 05/12/2016. Anh S có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Văn S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lý Thị N nêu quan điểm:

- Về hôn nhân: Chị Lý Thị N và anh Hoàng Văn S qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện Chiêm Hoá (nay là huyện Lâm Bình), tỉnh Tuyên Quang. Chị N và anh S được tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán, sau khi kết hôn chung sống tại thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn lớn, cho đến thời gian gần đây thì anh S tự ăn uống, sinh hoạt riêng không vun vén cho cuộc sống gia đình, chị N và anh S đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức độ trầm trọng, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không nhất trí ly hôn với anh Hoàng Văn S.

- Về con chung: Chị Lý Thị N và anh Hoàng Văn S có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Anh T, sinh ngày 15/7/2010 và cháu Hoàng Anh Th, sinh ngày 05/12/2016. Trường hợp phải ly hôn thì chị N có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000^{đ}/02 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn S trình bày: Về hôn nhân anh S xác định mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N; về con chung nhất trí để chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Hoàng Thị Anh T và Hoàng Anh Th, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con là 2.000.000^{đ}/02 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Toà án giải quyết. Bị đơn

chị Lý Thị N giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án: Về hôn nhân không nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn đoàn tụ; về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Hoàng Thị Anh T và Hoàng Anh Th, yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con là 2.000.000^{đ}/02 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về ý kiến trình bày của con trên 07 tuổi: Cháu Hoàng Thị Anh T, sinh ngày 15/7/2010 trình bày sau khi anh S và chị N ly hôn nguyện vọng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn S, cho anh Hoàng Văn S được ly hôn chị Lý Thị N; Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của chị Lý Thị N.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Hoàng Văn S và chị Lý Thị N về nuôi con chung, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị Anh T, sinh ngày 15/7/2010 và Hoàng Anh Th, sinh ngày 05/12/2016. Anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)/*tháng/02 cháu, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng vào ngày 20 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Anh Hoàng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định; chị N không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Anh Hoàng Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Lý Thị N; chị Lý Thị N có hộ khẩu Thờng trú tại thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn S và chị Lý Thị N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện Chiêm Hóa (nay là huyện Lâm Bình), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh S và chị N chung sống tại thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, anh S xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2022 còn chị N xác định mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2023 tuy anh S và chị N xác định mâu thuẫn ở hai thời điểm khác nhau nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là thực tế và hiện nay đã sống ly thân, anh Hoàng Văn S xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Lý Thị N. Chị Lý Thị N xác nhận quá trình kết hôn và chung sống đúng như anh S trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh S và chị N, chị N cho rằng do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 đến nay và kể từ khi ly thân thì vợ chồng đã không quan tâm đến hạnh phúc chung nữa, nhưng chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chị N không nhất trí ly hôn với anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua quá trình xác minh tại địa phương Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị N là thực tế, mâu thuẫn giữa anh S và chị N thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh S và chị N đã sống ly thân (anh S đã đi làm ở Hà Nội còn chị N ở thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa), vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa, chị N không nhất trí ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng là không đúng thực tế, việc chị N không nhất trí ly hôn và xin đoàn tụ không phải xuất phát từ sự yêu Tng thực sự mà chỉ muốn ràng buộc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S, xử cho anh S được ly hôn với chị N; Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa anh Hoàng Văn S và chị Lý Thị N có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Anh T, sinh ngày 15/7/2010 và cháu Hoàng Anh Th, sinh ngày 05/12/2016. Tại phiên tòa anh S và chị N thỏa thuận về nuôi con chung, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị Anh T, sinh ngày 15/7/2010 và Hoàng Anh Th, sinh ngày 05/12/2016. Anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)/*tháng/02 cháu, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng vào ngày 20 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình, cần ghi nhận sự thỏa thuận trên. Anh Hoàng Văn S được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Văn S và chị Lý Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Hoàng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định; chị Lý Thị N không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn S, không chấp nhân yêu cầu xin đoàn tụ của chị Lý Thị N, cho anh Hoàng Văn S được ly hôn chị Lý Thị N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Hoàng Văn S và chị Lý Thị N; chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị Anh T, sinh ngày 15/7/2010 và Hoàng Anh Th, sinh ngày 05/12/2016. Anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)/*tháng/02 cháu (mỗi cháu Anh T và Anh Th là 1.000.000đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng vào ngày 20 hàng tháng, thời gian

cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)*. Anh S đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0005552 ngày 17/4/2023 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh S còn phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)*. Chị Lý Thị N không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/7/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã PS (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh